

-(으)ㄹ 뿐이다

chỉ... mà thôi, chỉ đơn thuần

Thu hẹp một nhận định vào một điều duy nhất và khép lại mọi thứ khác. Thường dùng để từ chối lời khen hoặc giảm nhẹ điều gì đó.

Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄹ 뿐이다	하다 → 할 뿐이에요
Kết thúc bằng phụ âm	-을 뿐이다	좋다 → 좋을 뿐이에요
Kết thúc bằng ㄷ	không thêm gì	만들다 → 만들 뿐이에요
Quá khứ	-았/었을 뿐이다	했을 뿐입니다
Với danh từ	danh từ + 뿐이다	이것뿐이에요
Biến thể trang trọng	-(으)ㄹ 따름이다	할 따름입니다

Khi nào dùng

Cách kết hợp theo quy tắc chuẩn với dạng ngắn cho ㄹ: 만들다 thành 만들 뿐이다. Quá khứ là -았/었을 뿐이다, và với danh từ thì 뿐이다 gắn trực tiếp: 이것뿐이에요.

Nó khẳng định không có gì khác ngoài điều này: 저는 제 할 일을 했을 뿐입니다 — tôi chỉ làm việc của mình thôi. Trong tiếng Hàn đây là cách tiêu chuẩn để khước từ lời cảm ơn hay lời khen.

Nó cũng nói thẳng về sự ít ỏi: 남은 것은 이것뿐이에요.

Dạng liên quan -(으)ㄹ 따름이다 có cùng nghĩa ở văn phong trang trọng hơn, phổ biến trong bài phát biểu và văn bản.

Ví dụ trong câu

- 1 저는 제가 할 일을 했을 뿐입니다.

Tôi chỉ làm những gì mình phải làm thôi.
- 2 그저 운이 좋았을 뿐이에요.

Tôi chỉ gặp may thôi.
- 3 남은 것은 이것뿐이에요.

Chỉ còn lại có cái này thôi.
- 4 저는 그냥 지켜볼 뿐이었어요.

Tôi chỉ đứng nhìn thôi.
- 5 시간이 조금 걸릴 뿐이지 어렵지는 않아요.

Chỉ là mất thời gian thôi — không khó đâu.
- 6 그는 아무 말 없이 웃을 뿐이었어요.

Anh ấy không nói gì, chỉ mỉm cười.

So sánh với

만

만 giới hạn một danh từ; -(으)ㄹ 뿐이다 giới hạn cả một nhận định và khép nó lại. Dạng sau nặng hơn và nhấn mạnh hơn.

저만 갔어요. (chỉ mình tôi đi) / 그냥 갔을 뿐이에요. (tôi chỉ đi thôi, không có gì hơn)

-(으)ㄹ 뿐만 아니라

Cùng 뿐, hướng ngược nhau. 뿐이다 dừng ở một điều; 뿐만 아니라 phủ định giới hạn để thêm điều khác.

쌀 뿐이에요. (chỉ rẻ thôi) / 쌀 뿐만 아니라 맛도 좋아요. (không chỉ rẻ mà còn ngon)

밖에

밖에 cần động từ phủ định và mang ý than phiền về sự ít ỏi; 뿐이다 nêu giới hạn trực tiếp với vị ngữ khẳng định.

이것밖에 없어요. / 이것뿐이에요.

Lưu ý

- ✗ 저는 그냥 만들을 뿐이에요.

○ 저는 그냥 만들 뿐이에요.

Gốc từ kết thúc bằng ㄷ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 정도로.
- ✗ 저는 제 할 일을 했을뿐입니다.

○ 저는 제 할 일을 했을 뿐입니다.

뿐 là danh từ và phải viết cách sau dạng bỏ nghĩa. Chỉ khi đứng sau danh từ thuần thì nó mới viết liền: 이것뿐이에요.
- ✗ 이것뿐이 없어요.

○ 이것뿐이에요. / 이것밖에 없어요.

뿐이다 đi với vị ngữ khẳng định; 밖에 đi với vị ngữ phủ định. Trộn lẫn hai cái thì chẳng thành cái nào.